

Bản án số: 60 /2019/ HNGĐ – ST
Ngày 30/10/ 2019.
V/v: “Ly hôn ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Hà.
2. Bà Nghiêm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc: “ *Ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10-9-2019 và thông báo mở lại phiên tòa số: 33/2019 ngày 14-10-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn B - sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L - sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 3, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-7-2019; bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai ngày 09-01-2006 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sau đó chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 3, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Anh đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị L chưa có con chung.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 8 năm 2019, Bị đơn chị Vũ Thị L trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh B đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến năm 2012 anh B đi làm xa nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh B làm đơn xin ly hôn chị nhất trí vì chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Chị và anh B chưa có con chung.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa. Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết ly hôn giữa anh và chị Vũ Thị L trú tại: Tổ 3, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn anh Phạm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Vũ Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09-01-2006 tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị đều xác định quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn và đề nghị không tiến hành hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh B, chị L đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, xử cho anh B ly hôn chị L.

[3]. Về con chung: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thị L xác nhận không có con chung.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí: Anh Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn B được ly hôn chị Vũ Thị L.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005017 ngày 23-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh B đã nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn B và chị Vũ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã D, huyện V;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Thế Hòa

